**THỰC HÀNH PHÉP TU TỪ ẨN DỤ VÀ HOÁN DỤ**

**I- Ẩn dụ**

***1. Tìm hiểu ý nghĩa các câu ca dao***

a. Thuyền là ẩn dụ chỉ người trai. Trong xã hội cũ, nam nhi đa thê, nhiều thiếp => Thuyền đậu hết bến này sang bến khác (di chuyển).

- Bến là là ẩn dụ chỉ tấm lòng son sắt, chung thuỷ của người con gái (cố định).

b. Thuyền và con đò là những phương tiện chuyên chở => thường xuyên di chuyển, không cố định; bến, bến cũ và cây đa cố định một chỗ.

+ Thuyền và bến: có mối quan hệ thuỷ chung son sắt bến dành cho thuyền.

+ Con đò và bến cũ, cây đa có mối quan hệ sâu sắc về tình cảm. Song vì điều kiện, hoàn cảnh, họ phải xa nhau.

***2. Tìm và phân tích phép ẩn dụ***

a. Lửa lựu là hoa lựu được Nguyễn Du thấy chói đỏ như lửa.

b. “Làm thành người”: con người mới sống trong độc lập tự do, biết làm chủ cuộc sống, thiên nhiên và xã hội.

c. “Hót”: ca ngợi mùa xuân đất nước, ca ngợi cuộc đời mới với sức sống đang trào dâng, trỗi dậy.

- “Từng giọt long lanh”: ca ngợi vẻ đẹp của mùa xuân, vẻ đẹp của cuộc sống tươi trong.

d. Thác: gian khổ con người phải đối mặt.

- Thuyền: vượt qua gian khổ, thử thách.

e. Phù du: kiếp sống vô định của con người.

- Phù sa: cuộc đời mới, mầu mỡ, tốt tươi, có triển vọng hơn.

**II- Hoán dụ**

***1. Đọc và trả lời***

- “Đầu xanh”, “má hồng” chỉ nàng Kiều trẻ trung và tuyệt sắc (liên tưởng tiếp cận).

- “áo nâu”, “áo xanh”: chỉ giai cấp công nhân và nông dân trong xã hội ta (đặc điểm gắn liền với đời sống lao động).

***2. Phân biệt***

- Thôn Đoài, thôn Đông => Hoán dụ chỉ hai người ở hai làng Đoài và Đông.

- “Cau thôn Đoài nhớ trầu không… ” là ẩn dụ của tác giả thể hiện cách nói lấp lửng trong tình yêu => Em nhớ ai!

****CẢM XÚC MÙA THU****

1. ****Tìm hiểu chung****  
   ****1. Tác giả: Đỗ Phủ (704-770)****  
   - Tự là Tử Mĩ, huyện Củng, huyện Hà Nam, Trung Quốc  
   - Cả cuộc đời sống nghèo khổ, có chí lớn phò giúp vua nhưng không thành.  
   - Nhà thơ hiện thực vĩ đại, danh nhân văn hóa.  
   - Ông để lại khoảng 1.500 bài thơ, nội dung thể hiện lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, sự nhạy cảm với thời cuộc, nỗi đau về cuộc sống riêng.  
   - Thơ Đỗ Phủ là bức tranh hiện thực sinh động, chan chứa tình yêu thương, nhân đạo.  
   - Nghệ thuật điêu luyện, phong cách trầm uất.  
   ****2. Bài thơ “Thu hứng”:****  
   – Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ đựoc sáng tác vào năm 766, tại Quỳ Châu (thuộc đất Ba Thục, núi non hiểm trở).  
   – Vị trí:  
   + Là bài thơ số 1 thuộc chùm thơ Thu hứng (8 bài).  
   + Là cương lĩnh sáng tác của cả chùm thơ.

- Bố cục: 2 phần.  
+ 4 câu đầu: cảnh thu.  
+ 4 câu sau: tình thu.  
****II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN****   
****1. Cảnh mùa thu (4 câu đầu):****  
***\* Câu 1-2:***  
– Hình ảnh: *sương móc trắng xóa*; *rừng phong tiêu điều*.  
– Địa danh: *núi Vu*, *kẽm Vu*– vùng núi hoang sơ, hùng vĩ, hiểm trở.  
– So sánh nguyên tác và dịch thơ:  
***+ Câu 1:***  
Nguyên tác: *trắng xoá*– dày đặc, nặng nề. Dịch thơ: *lác đác*– mật độ thưa thớt, ít ỏi. Bản dịch thơ làm mất sắc thái tiêu điều của rừng phong. Câu 1 (nguyên tác): Sự tác động, tàn phá của sương móc làm rừng phong tiêu điều. Đó là sự khác thường. Bởi mùa thu phương Bắc (Trung Quốc) thường được miêu tả với hình ảnh ước lệ là hình ảnh rừng phong lá đỏ. Nhưng ở đây, tuy rừng phong được nói tới nhưng sắc màu rực rỡ của nó không còn mà mang vẻ thê lương, ảm đạm, nặng nề.  
– Cái nhìn bao quát trên diện rộng.  
***+ Câu 2:***  
– So với nguyên tác, bản dịch làm mất các địa danh cụ thể, gợi nhiều cảm xúc. Thông thường, vùng núi Vu, kẽm Vu hiểm trở sẽ gợi cảm giác hứng khởi trước vẻ đẹp hoành tráng, kì vĩ, bí ẩn. Nhưng ở đây, chúng chỉ đem đến ấn tượng về sự vắng lặng đến rợn người.  
– Tầm nhìn của tác giả thu hẹp, hướng lên cao.  
-> Hai câu đầu: Cảnh thu thê lương, ảm đạm, lạnh lẽo, nặng nề, trầm uất ở vùng núi Quỳ Châu, miền núi phía tây Trung Quốc, thượng nguồn sông Trường Giang, nơi thi nhân lánh nạn.  
***\* Câu 3- 4:*** Hình ảnh thiên nhiên: *sóng trên sông Trường Giang*; *mây trên cửa ải*.  
– So sánh nguyên tác – dịch thơ:  
+ Động từ *“rợn”* vận động nhẹ nhàng, không diễn tả được sự vận động mạnh mẽ của sóng như trong nguyên tác (*sóng vọt lên tận lưng trời*).  
+ Động từ *“đùn”* lớp này chồng chất lên lớp khác, chỉ sự vận động đi lên không truyền tải ý *“mây sa sầm xuống giáp mặt đất”*.  
– Sắc thái của thiên nhiên:  
+ Thiên nhiên vận động mạnh mẽ, trái chiều như nén không gian lại, khiến trời đất như đảo lộn.  
+ Thiên nhiên trầm uất, dữ dội.  
=> Nhận xét:  
+ Cảnh thu được nhìn từ xa, cảnh rộng, bao quát.  
+ Đó là cảnh thu ở vùng núi Quỳ Châu (Trung Quốc) thê lương, ảm đạm mà đầy những dồn nén dữ dội.  
+ Sự vận động dữ dội, trái chiều của thiên nhiên, trời đất như đảo lộn nơi cửa ải, nỗi buồn sầu, trầm uất và nỗi lo âu cho tình hình đất nước với biên giới chưa thật sự bình yên sau những năm chiến tranh, loạn lạc liên miên (loạn An – Sử).  
+ Cảnh vẫn đậm hơn tình, tình nằm ẩn sâu trong cảnh.  
***2. Tình thu (4 câu sau)***  
– Tầm nhìn của tác giả: từ xa lại gần, thu hẹp dần (từ khung cảnh chung của thiên nhiên đến các sự vật cụ thể gắn bó với riêng tác giả, ở gần tác giả). Do sự vận động của thời gian về chiều muộn, ngày tàn, sự nhạt dần của ánh sáng khiến tầm nhìn bị thu hẹp.  
***\* Câu 5-6:***  
– Đối chỉnh.  
– Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng:  
+ *Hoa cúc*: Là hình ảnh ước lệ chỉ mùa thu. “*Khóm cúc nở hoa đã hai lần”* – hai năm đã qua, hai năm nhà thơ lưu lạc ở đất Quỳ Châu. Hai lần cúc nở hoa làm tuôn rơi nước mắt: *“Nước mắt ngày trước”* – *“dòng lệ cũ”* giọt nước mắt hôm nay (hiện tại) và giọt nước mắt hôm qua (quá khứ) không thể phân chia, đều cùng một dòng chảy, đắng đót, mặn chát như nhau. Hình ảnh khóm cúc là biểu tượng cho nỗi buồn đau dằng dặc, thường trực của tác giả. Đó là sự chất chồng của nỗi xót xa cho thân phận tha hương trôi nổi và nỗi nhớ quê hương da diết.  
+ *Con thuyền*: Bản dịch làm mất sắc thái cô đơn, lẻ loi của con thuyền, sự cô đơn, lẻ loi của con người. Là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho cuộc đời nổi trôi, lưu lạc của tác giả. “*Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*” mối buộc của con thuyền lại gắn kết với nỗi nhớ nơi vườn cũ (quê hương), tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương.  
– Tác giả đã đồng nhất cảnh và tình ở hai câu trên.  
***\* Câu 7-8:***  
– Kết thúc đột ngột bằng những âm thanh dồn dập bởi trước đó bài thơ không miêu tả một âm thanh nào.  
– Tiếng thước đo vải, dao cắt vải, tiếng chày đập vải để may áo rét là những âm thanh đặc thù của mùa thu Trung Quốc xưa. Người ở quê nhà thường may áo rét gửi cho người chinh phu đang trấn thủ biên cương khi mùa thu lạnh lẽo đến.

– Hai câu thơ hướng ngoại, tả cảnh sinh hoạt của nhân dân vùng Quỳ Châu. Âm thanh tiếng chày đập vải, tiếng dao thước để may áo rét gửi kẻ tha hương làm chạnh lòng tác giả (cũng là một kẻ tha hương, lưu lạc, nghèo khổ), khơi lên nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận của ông.” Nỗi buồn nhớ quê hương của tác giả.  
=> Nhận xét: Cảnh thu ở bốn câu sau thấm đượm tình thu, khắc sâu ấn tượng về sự cô đơn, lẻ loi, u uất của kẻ tha hương nặng lòng với quê hương và lo âu cho tình hình đất nước chưa yên ổn.  
****III. TỔNG KẾT****   
***1. Nội dung***  
– Bức tranh thu hiu hắt, thê lương, ảm đạm mà đầy dồn nén dữ dội, thấm đẫm tâm sự của tác giả.  
– Tâm trạng tác giả:  
+ Lo âu cho đất nước.  
+ Buồn nhớ quê hương.  
+ Ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình.  
***2. Nghệ thuật***  
– Tả cảnh ngụ tình.  
– Ngôn ngữ hàm súc.  
– Nghệ thuật đối chỉnh, tạo các mối tương quan. 

****Đọc thêm:****

****LẦU HOÀNG HẠC, NỖI OÁN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ,****

****KHE CHIM KÊU****

1. ****Lầu Hoàng Hạc.****  
   a. Tác giả: Thôi Hiệu (704- 754), quê ở Biện Châu – Trung Quốc, là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc, hiện còn hơn 40 bài thơ.  
   b. Hoàn cảnh sáng tác  
   – Lầu Hoàng Hạc – một ngôi lầu có thật, nay thành điểm du lịch của Trung Quốc.  
   – Nhân chuyến thăm Lầu Hoàng Hạc, cảm tác trước cảnh thực tại, tác giả sáng tác bài thơ  
   c. Đọc – hiểu.  
   \* Bốn câu đầu:  
   – Viết về Lầu Hoàng Hạc nhưng không tả cụ thể ngôi lầu, mà chủ yếu tả cảnh xung quanh: Mây trắng, bãi cỏ anh vũ, hàng cây Hán Dương -> ẩn chứa dụng ý tác giả.  
   –  Có sự đối lập:  
   + Thời gian: Xưa >< nay.  
   + Cảnh vật: Thực >< ảo  
   -> Khung cảnh đất trời và cảm xúc về cái vĩnh cửu. Tứ thơ được tạo thành từ sự liên tưởng lầu Hoàng Hạc và chim, mây trắng ngàn năm và hạc vàng muôn thuở, cái mất và cái còn. Điều đó thể hiện vẻ đẹp của lầu Hoàng Hạc và những suy tư sâu lắng của nhân vật trữ tình.  
   \* Bốn câu cuối:  
   – Tất cả cảnh – cảnh nay, cảnh xa cảnh gần, cảnh thực (thấy được), cảnh hư (trong tâm tưởng)…cảnh nào cũng đẹp; nhưng tất cả cảnh đều khiến lòng người buồn.  
   – Đó là nỗi lòng thương nhớ quê hương. Nhà thơ trở về với cuộc đời thực với dòng sông, khói sóng, … Tất cả gợi nhớ về một quê hương thân thương trong xa cách.  
   -> Thôi Hiệu đứng trước lầu Hoàng Hạc mà dựng lên một lầu Hoàng Hạc trong tâm tưởng. Lầu Hoàng Hạc trở thành một minh chứng: cái đẹp có khả năng thanh lọc tâm hồn

*\*Nghệ thuật:*Bài thơ miêu tả khung cảnh ở lầu Hoàng Hạc nhưng chủ yếu bộc lộ nỗi hoài vọng về thời xa xưa và nỗi nhớ quê hương da diết của nhà thơ.

1. ****Nỗi oán của người phòng khuê****  
   a. Tác giả :  
   – Vương Xương Linh (698 ?- 757), tự là Thiếu Bá, quê ở Trường An, Trung Quốc.  
   – Là nhà thơ nổi tiếng thời Đường  
   b. Tác phẩm :  
   – Hiện còn 186 bài thơ    
   – Nội dung thơ đề cập đến cuộc sống của tướng sĩ nơi biên ải, nỗi oán hơn của người cung nữ, nỗi sầu hận của người thiếu phụ.  
   c.  Đọc – hiểu.    
   Câu 1: “Bất tri sầu”- không biết buồn -> vô tư vì tuổi trẻ, vì chung giấc mộng công danh với chồng, vì hi vọng chồng được phong hầu, ban tước sau này.  
   – Ngày xuân nàng trang điểm lộng lẫy, bước lên lầu cao để thưởng ngoạn cảnh xuân. Tâm lí nhân vật, không gian và thời gian có sự hài hòa tuyệt đối.    
   Câu 2: “Hốt kiến” – Dương liễu sắc, hình ảnh cây liễu gợi sự li biệt. Bao cảm xúc liên tưởng, hồi ức dấy lên. Nàng nhớ lại phút chia tay và ngẫm bao ngày tháng sống trong cô đơn, nghĩ tới tuổi xuân dần qua, những gì rủi ro mà chồng mình có thể gặp để từ đó tự oán mình, lên án chiến tranh phong kiến.  
   Câu 3: Qua diễn biến tâm trạng của người thiếu phụ, nhà thơ đã góp thêm một tiếng nói chống chiến tranh phi nghĩa. Chiến tranh phi nghĩa khiến vợ chồng phải chia li không biết đến bao giờ gặp lại.

****3. Khe chim kêu****  
a. Tác giả: (Sgk)  
b. Đọc – hiểu  bài thơ.  
– Tả cảnh đêm trăng xuân trong khe núi. Cái đặc sắc là lấy động tả tĩnh.  
\* Câu 1: Hoa quế li ti, rụng khe khẽ mà người cũng nghe được chứng tỏ đêm phải rất yên tĩnh và lòng người cũng phải rất yên tĩnh tập trung thì mới có thể nghe được âm thanh cực nhỏ ấy.  
– Đó là sự tĩnh lặng của đêm và sự bình yên của tâm hồn. Trong đêm xuân thanh tĩnh, nhà thơ đã hoà cảm với thiên nhiên, nghe được tiếng rơi của hoa quế.  
\* Câu 2: Tiếng đêm xao động tâm hồn bình yên. Trăng lên làm “kinh sơn điểu”. Cái tĩnh lặng của đêm được cảm nhận qua tiếng động của những âm thanh khẽ khàng. Bởi trăng lên làm gì có tiếng động thế mà lại làm cho chim núi sợ hãi.  
-> Lấy động tả tĩnh.